



Bài báo nghiên cứu
“NGỒI TÙ KHÁM LỚN” CỦA PHAN VĂN HÙM:
THÊM MỘT SỐ NHÌN NHẬN VỀ GIÁ TRỊ TÁC PHẨM

Trần Thị Mỹ Hiền

Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Trần Thị Mỹ Hiền – Email: hienttm@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 20-3-2023; ngày nhận bài sửa: 04-4-2023; ngày duyệt đăng: 07-6-2023

TÓM TẮT

Phan Văn Hùm là một trong những tên tuổi nổi bật của văn học Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XX. Với tác phẩm Ngồi tù Khám Lớn, ông đã tạo được tiếng vang trên văn đàn nói riêng và trong đời sống chính trị – xã hội đương thời nói chung. Bằng phương thức tiếp cận văn hóa – lịch sử, phương thức tiếp cận liên ngành cùng các phân tích, so sánh, bài viết cho thấy tác phẩm Ngồi tù Khám Lớn không chỉ trực tiếp phê bày sự khắc nghiệt, bất công trong chế độ lao tù của thực dân Pháp tại Việt Nam mà còn cho thấy sự khủng hoảng trong đời sống của người dân Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX từ kinh tế, xã hội, luân lí, đạo đức, và hơn cả là sự kì vọng của Phan Văn Hùm về một xã hội tốt đẹp dựa trên quan niệm về triết lí nhân sinh.

Từ khóa: *kí sự; Ngồi tù Khám Lớn; Phan Văn Hùm; văn học Nam Bộ*

1. Đặt vấn đề

Ngồi tù Khám Lớn là tác phẩm hiếm hoi của Phan Văn Hùm thuộc mảng sáng tác văn học được phổ biến ngay sau lúc được viết ra và còn được giữ lại cho đến ngày nay. Tác phẩm xuất hiện lần đầu bằng hình thức đăng nhiều kì trên báo Thần Chung (chủ bút Nguyễn Văn Bá) vào đầu năm 1929, ngay lập tức bị nhà cầm quyền thực dân tịch thu và cấm đăng. Sau đó, vào cuối năm 1929, nhà in Bảo Tồn cho in tác phẩm thành sách và cũng bị thực dân tịch thu, không cho phổ biến. Những động thái này đã cho thấy *Ngồi tù Khám Lớn* của Phan Văn Hùm ra đời tại thời điểm đó như một quả bom có sức công phá mạnh mẽ đối với thành trì chế độ thực dân tại Nam Kỳ. Giá trị nổi bật hơn cả của tác phẩm là đã phơi bày sự khắc nghiệt, “vô nhân đạo” của nhà tù Khám Lớn, một điều mà thực dân Pháp không bao giờ muốn thừa nhận.

Nhưng thực ra, đằng sau vấn đề đậm màu sắc chính trị lúc bấy giờ, *Ngồi tù Khám Lớn* còn ẩn chứa trong đó những giá trị sâu xa hơn. Ngoài lời tựa (bài của chủ bút báo Thần Chung – Nguyễn Văn Bá) và phụ lục, nội dung chính của tác phẩm gồm 13 mục, mỗi mục được xem như một “lát cắt”, ghi lại cảnh sinh hoạt của tù nhân Khám Lớn từ chuyện vào tù

Cite this article as: Tran Thi My Hien (2023). Some more observations on the value of “jailed in Khám Lớn” by Phan Van Hum. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(11), 1990-1999.

đến chuyện ăn, mặc, ở trong tù, đến các nhân vật trong tù như thầy chú, anh chị, vấn đề thăm tù, vụ án Hội kín Nguyễn An Ninh... Từ những “lát cắt” chân thực như thế, ông đã cho thấy góc nhìn chân thực cùng những suy ngẫm của ông về số phận người dân Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Từ những suy ngẫm đó, tác phẩm đã bộc lộ quan điểm, sự kì vọng của tác giả về chế độ xã hội tốt đẹp cùng một số khía cạnh của triết lí nhân sinh. Ngoài ra, tác phẩm còn cuốn hút người đọc bởi một lối viết độc đáo khó ai sánh được trong thời gian đó.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Góc nhìn chân thực của Phan Văn Hùm về sự khủng hoảng các giá trị trong đời sống người dân Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX

Bức tranh đời sống muôn mặt trong xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX hiện ra chân thực, sâu sắc thông qua góc nhìn của Phan Văn Hùm trong một hoàn cảnh, không gian khá đặc biệt: khám tù. Mặc dù trong tù nhưng mọi thứ diễn ra không khác gì ngoài xã hội, bộc lộ gần hết các phương diện thuộc về bản chất con người.

Nhìn từ phương diện kinh tế, thực trạng đời sống khó khăn làm cho con người lúc nào cũng để tâm vào chuyện làm ăn. Nhưng chuyện làm ăn của người dân lúc bấy giờ vẫn chỉ ở mức “toan lo nghèo khó” (Nguyễn Đình Chiểu). Xã hội Việt Nam từ trong quá khứ đã phải gánh chịu rất nhiều cơ cực do sự khủng hoảng của chế độ phong kiến. Đến khi thực dân Pháp đặt chân lên đất nước ta, biến Nam Kỳ thành xứ thuộc địa, hệ lụy từ chế độ chính trị và đời sống kinh tế đã dẫn đến nhiều vấn đề trong đời sống xã hội, tác động đến cách sống, lối suy nghĩ và tính cách của người Việt. Xuyên suốt tác phẩm, ta thấy sự thương xót, nỗi đau của một trí thức đầy lòng tự trọng khi nhìn thấy những cảnh đời, những tình huống bộc lộ tính bất ổn của người dân Việt Nam lúc đó. Từ những điều nhỏ nhặt như cách ăn, ở, cho đến những mối quan hệ cộng đồng xã hội, cách con người ứng xử với nhau, có những điều rất tốt nhưng cũng có những mặt trái được tạo ra từ nỗi ám ảnh thiếu thốn về vật chất. Cái nghèo đã làm cho con người chú tâm nhiều vào những món lợi về vật chất, tạo nên tâm lí ích kỉ, lợi dụng mảnh khóc để hơn thua, sĩ diện ngay cả trong chốn lao tù, đến mức Phan Văn Hùm phải thốt lên một cách đầy hổ thẹn và chua xót: “Tôi trông thấy cái thói ăn giành uống giựt ấy mà tức mình quá, mà xấu hổ quá, nòi giống của tôi, trời đày chi ngu đàn đến thế!” (Nguyen, 2002, p.89)⁽²⁾. Trong tù thì “cùng chung một cảnh khổ với nhau, không hay là bớt khổ cho nhau, mà lại thêm khổ cho nhau. Của để mười người ăn đủ, không ngon miệng cũng được no lòng, mà gom ôm lấy một mình cho bao nhiêu người thiệt thòi thềm lạt, nghĩ cũng đáng giận mà đáng buồn” (Nguyen, 2002, p.90). Trông ra ngoài xã hội thì “mạnh thời hiệp yếu, khôn ngoan lẩn lút kẻ ngu đàn, của trời chung há của riêng ai? Sao lại có anh Mỗ quan to, mưu chước lắt, khấn đất điền ngan ngan nhai nhai? Sao lại có anh Mỗ của nhiều, thế lực lớn, khiến tôi tớ rộ rộ rần rần? Của trời chung ai cũng được phần ăn, sao ai được một mình

² Tất cả các trích dẫn tác phẩm *Ngôi tù Khám Lớn* của Phan Văn Hùm trong bài viết này được chúng tôi sử dụng từ cuốn Nguyễn Q. Thắng (tuyển chọn, giới thiệu) (2002). *Tuyển tập Phan Văn Hùm*, Nxb Văn hóa Thông tin.

ai lũng đoạn?” (Nguyen, 2002, p.90). Có người vì tiền mà cam làm thầy đội, làm cai tù rồi hành hạ, hống hách với người dân quê mình. Mới ngày nào còn là anh nhà quê, đi lính tập, đến khi mãn khóa “chân vừa sạch vết phèn bèn trở lại ghét thù quê nhà, không chịu về nơi chôn nhau cắt rốn nữa, mới dựa hơi Tây kiếm ít tiền lương bổng cho qua ngày” (Nguyen, 2002, p.98). Cái nghèo như một di chỉ tinh thần làm cho con người trở nên tham lam hèn mọn, vì vài miếng thuốc, vài miếng ăn trong tù mà làm những việc như đánh người, chực giết người mà không chút suy nghĩ gì thì thật là đáng suy ngẫm. Ngoài tham lam, người mình còn ham sự sung sướng. Điều này dẫn đến nạn phe phái trong tù cũng như ngoài xã hội. Những thầy chú trong khám tù hay lợi dụng quyền hành để đòi hỏi quà cáp, tiền bạc từ thân nhân những người tù, mà “kẻ có tiền còn đỡ, người không tiền cũng đi quờ hỏi đầu này đầu nọ, đem về đựng cho ngục tốt mong người trong tù được yên ổn tấm thân” (Nguyen, 2002, p.99). Tình cảm gia đình là sợi dây liên hệ, ràng rịt con người lại với nhau. Nhưng trong xã hội đầy những bất công, cuộc sống nghèo khó nên không thiếu chi những thảm cảnh đau lòng. Một người mẹ vì để dành đồ ăn đi thăm nuôi chồng mà đành để đứa con bị thiếu thốn. Hơn một lần Phan Văn Hùm cảm thán trong sự chua xót: “Thương ôi! Xã hội kim tiền, nghèo phải chịu hèn, cho đến trong tù cũng còn cái vít nghèo đau đớn ấy” (Nguyen, 2002, p.130).

Người anh hùng trong xã hội kim tiền không còn nhiều giá trị, không có quyền lực mà quyền lực thực sự nằm trong tay kẻ có tiền. Theo lời anh tù Nguyễn Văn Khuê, “làm anh hùng trong thời này khó” khi mà các thang bậc giá trị bị đảo lộn, bị đánh tráo hoặc ngụy tạo, đa phần bị chi phối bởi giá trị vật chất. Một số người vì thiếu hiểu biết nên để mình bị trôi theo những yếu hèn của dục vọng. Còn những người như anh tù Nguyễn Văn Khuê, có nhân tâm, lí tưởng và hiểu biết nhưng không làm sao thay đổi được hoàn cảnh xã hội, cuối cùng phải giả ngây để chấp nhận chung sống với sự bất công. Còn gì nghịch lí hơn khi cỡi tù nào phải là cỡi vui, nhưng nhiều người lại mong vào tù để có cái ăn, vì ở ngoài sẽ bị chết đói!

Với tù nhân – những kiếp nhân sinh nhỏ mọn, họ “chỉ ham có một cái sống như các con ngoại vật”. Khi bị bắt vào tù, họ làm mọi cách chỉ mong mau được thả, để được “làm ăn”, “lao lao lực lực ngày này tháng nọ, cũng cam chiều thuận mạng trời” (Nguyen, 2002, p.119). Điều này dẫn đến một điều nghịch lí đau lòng khác là lòng vị kỉ, không màng đến những người khác cũng là đồng bào với mình. Để bảo toàn tính mệnh cho bản thân và cho những người thân của họ, những người bị bắt, bị khảo tra, sẵn sàng khai gian để được thả. Mà một khi họ đã khai gian, chỉ điếm thì người khác sẽ bị bắt, bị đánh đập một cách oan ức. Họ đâu biết rằng “muốn giải thoát cha mẹ mình, đem cha mẹ người ta vào, muốn tự giải thoát cho mình lại đem người khác cũng muốn thoát thân như mình mà thế vào, cái bụng vị kỉ ấy không nói sao cho cạn được” (Nguyen, 2002, p.116). Bởi “Làm con người, biết có cha mẹ, biết đau đớn vì cha mẹ bị ngồi tù, cái đó không phải là một cái bậy. Biết có cha mẹ, biết có đau đớn vì cha mẹ ngồi tù, mà quên rằng ngoài mình ra, trong thế gian bao nhiêu người khác hơn mình cũng có cha mẹ, cũng biết đau đớn cho nỗi cha mẹ bị ngồi tù như mình. Cái quên ấy mới là một cái bậy” (Nguyen, 2002, p.112). Từ sự nhận thức xã hội sâu sắc, Phan

Văn Hùm nhấn nhủ với các bậc cha mẹ “chớ nên hiểu lầm rằng con ấy là của riêng của mình. Mà làm con cũng chớ nên hiểu lầm rằng mình đây là của riêng của cha mẹ” (Nguyen, 2002, p.113).

Không chỉ vậy, từ lòng vị kỉ của mỗi cá nhân mà dẫn đến tâm lí chia rẽ, thiếu đoàn kết trong xã hội: “Ai nấy lo riêng cho cái mạng mình, không biết chung nhau mà tìm cái sống trong cái chết, cho nên ai nấy phải chung chết, bởi vì sự chia lìa nhau mà vẫn sợ cái chết chung. Chẳng những trong tù mà ngoài tù người mình cũng vậy (Nguyen, 2002, p.98). Rồi từ sự ích kỉ và thói sĩ diện sẽ dẫn đến hệ quả là thiếu tính thành thực. Đó cũng là lí do ông mong muốn con người sống với nhau nên dựa vào sự “thực tâm”. Vì có thực tâm thì mọi hành vi đều chính đáng, từ đó mà nuôi dưỡng sự tử tế giữa những con người trong xã hội với nhau.

Khi nhìn vào sự đau khổ mà con người gây ra cho nhau, Phan Văn Hùm cho rằng có hai lí do chính. Lí do đầu tiên là ở thể chế chính trị, thứ hai là do sự tha hóa bên trong mỗi con người. Thật ra, vào Khám Lớn không phải chỉ có tù nhân chính trị như ông và Nguyễn An Ninh. Lúc đó, ông và Nguyễn An Ninh đều được giam cùng với thường phạm. Nhờ vậy, ông có cơ hội gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều hạng tù, từ đó hiểu hơn về xã hội và các vấn đề của nhân sinh. Khi ngồi tù ông mới thấy có người vì phạm tội mà bị tù (như ăn trộm, ăn cướp, chém lộn, giết người...), nhưng cũng có những tù nhân bị bắt vào “không biết vì tội gì” (trường hợp liên quan đến “hội kín Nguyễn An Ninh”), cũng có người bị bắt vì “tội” “không có sở làm”, “tội” “không đóng thuế thân”... Đối với hai loại tù sau này thì thật là nghịch lí và bất công, vì sau khi bỏ tù xong, nhà nước có giúp người hết hạn tù ấy tìm được sở làm không? Hay là vào tù chứng kiến những bất công, chịu đựng sự tàn ác, bị đào luyện thành ra bất lương, trở ra xã hội thành người bất lương? Cái vòng lẩn quẩn không biết khi nào mới chấm dứt. Nên ông cho rằng những tội phạm kiểu như thế phần nhiều do hoàn cảnh mà ra. Và “bao giờ chế độ xã hội không thay đổi thời cũng còn người chui vào khám mãi” (Nguyen, 2002, p.133).

Về phần cái ác có tù trong bản thân mỗi người, được ông diễn hình qua hai trường hợp: một là trường hợp so sánh giữa cai ngục người Việt với cai ngục Tây, hai là trường hợp về cái tâm lí đám đông và sự thiển cận cá nhân trong trường hợp nạn nhân là nữ tù nhân đã giết con mình. Trong trường hợp đầu, theo ông, so với cai ngục Tây, cai ngục An Nam đánh đập, khảo tiền nhẫn tâm hơn là bởi là “cái oán thù hèn hạ” lẩn khuất trong con người họ. Ngục tốt Tây cũng có người hiền như ông Canavagio, ông Se Sẻ (người ta gọi là ông Se Sẻ vì không biết ông tên gì). Ông hiền vì ông “hay lấy thuốc của mấy người “bảnh” mà cho mấy người già”, ông “hay đánh những kẻ giành ăn lấu uống”. Ông “đánh đau mà đánh vừa bụng thiên hạ” (Nguyen, 2002, p.95). Có người vì hoàn cảnh phải làm việc cho chính quyền Pháp, cho nhà nước nhưng cái tâm của họ vẫn thiện lương. Chỉ có điều họ không phải là số đông nên không thể tạo nên một xã hội tốt đẹp theo đúng ước vọng con người họ. Điều này cho thấy ở một phương diện nào đó, Phan Văn Hùm vẫn tin tưởng vào nhân tâm của mỗi cá

nhân. Về trường hợp thứ hai, ông cho thấy mặt trái của nền luân lí Nho giáo phong kiến đã có những tác động nhất định đến tâm thức xã hội, đó là rất khắc nghiệt đối với những phụ nữ mang hoang thai. Tuy nhiên, bằng sự hiểu biết về tâm lí học, ông cũng cho thấy tự trong bản thân mỗi người, ai cũng mang trong mình cái vô thức thuộc về bản năng, một “con thú” tiềm phục ở đó” (Nguyen, 2002, p.126). Cho nên “Hoàn cảnh ô trọc đã xui giục cô đi làm đàng, mà luân lí hẹp hòi lại chèo kéo cô về một ngã” (Nguyen, 2002, p.126). Và con người gây khổ cho nhau là bởi không sống đúng với lương tâm trách nhiệm của mình, thói sĩ diện làm cho mọi người quên mất bản thân mình, “ra với xã hội đường đường mặt cao khiết của Appolon, riêng ở một mình phơ phất hồn ô trọc của Dionysos” (Nguyen, 2002, p.126). Xuất phát từ sự nhận thức này mà tất cả những điều Phan Văn Hùm ghi chép lại trong tác phẩm đều có dụng ý cho mọi người nhận thức rõ về hai khía cạnh của thực trạng xã hội lúc bấy giờ: chế độ chính trị và đạo đức con người. Trong đó, các vấn đề thuộc về con người như là hệ quả của rất nhiều nguyên nhân sâu xa của lịch sử và văn hóa dân tộc. Nếu không có cuộc chạm trán với phương Tây, xã hội Việt Nam đã không thể bộc lộ hết các góc khuất đã ngấm chứa, hầu hết đều có tính bất ổn. Nó cho thấy một quán tính về tư duy, một sự khủng hoảng thuộc vĩa tầng văn hóa bề sâu của một dân tộc, một giống nòi. Và Phan Văn Hùm, thông qua một cảnh huống mang tính cá nhân (ngồi tù), ông đã có sự tiếp xúc thật gần với tất cả những cảnh ngộ, làm hiện ra một bức tranh xã hội đầy tính bất ổn thời bấy giờ.

2.2. Góc nhìn lí tưởng của Phan Văn Hùm về việc xây dựng một xã hội tốt đẹp

Ngồi tù Khám Lớn là cái nhìn sâu vào xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX với biết bao vấn đề, nhiều góc nhìn sáng tối đan xen. Đó là cái nhìn của người trí thức có lương tri trong một tâm thế dấn thân quyết liệt. Ông làm điều này không phải chỉ nhằm mục đích đấu tranh với nhà cầm quyền lúc bấy giờ (hoặc đây có thể là mục đích tối thiểu trước mắt); sâu xa hơn, ông muốn đưa ra một bài toán nhân sinh để mọi người thấy, cùng suy ngẫm và tìm ra giải pháp đối với dân tộc mình. Góc nhìn này đã cho thấy rõ lập trường tư tưởng của Phan Văn Hùm, đó là một tinh thần hết sức biện chứng. Cuộc đời của mỗi cá nhân luôn chịu sự tác động của hoàn cảnh, xã hội, trong khi xã hội chịu sự chi phối của chế độ chính trị. Cho nên cần có một chế độ chính trị tốt đẹp mới giúp mọi người có đời sống tốt đẹp. Mặt khác, yếu tố cá nhân của mỗi con người cũng rất quan trọng. Nếu tâm không “chánh” sẽ dễ tạo ra những thói tệ, không chỉ cho mình mà còn cho người khác. Nhận thức được điều này, theo ông cần một lúc thực hiện hai mục tiêu: hoàn thiện bản thân con người và cải tạo xã hội. Mỗi con người tốt sẽ góp phần tạo thành một xã hội tốt đẹp và ngược lại. Đây có lẽ cũng là thông điệp mang tính triết lí mà Phan Văn Hùm muốn gửi gắm đến mọi người thông qua các tác phẩm của mình. Cho nên, *Ngồi tù Khám Lớn* của Phan Văn Hùm là một tác phẩm cho thấy được tinh thần xã hội và tư tưởng triết học ẩn chứa trong đó. Đó thực sự là mối ưu tư của người trí thức có lương tri đối với vận mệnh dân tộc và sự phát triển của giống nòi.

Trên thực tế, ghi lại những điều này chỉ là một cách ông bày ra cho mọi người thấy để cùng suy ngẫm, nhằm thức tỉnh mọi người. Còn thực ra, tự trong sâu xa, ông đã có sự lí giải

của mình. Bằng sự hiểu biết cùng mối quan tâm sâu sắc về chính trị, xã hội, dân sinh, Phan Văn Hùm hiểu được nguyên nhân của những thói tệ của người Việt lúc bấy giờ. Xét về phía khách quan, nó có nguyên nhân từ yếu tố lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội... Trong tác phẩm, có những thói tậ của người Việt do hoàn cảnh chế độ thuộc địa gây ra, nhưng nếu xét tường tận thì có những vấn đề lại có nguyên nhân từ những hệ lụy căn cốt mà nền văn hóa của chế độ phong kiến và tình cảnh bi đát của lịch sử để lại trong tâm hồn những người dân Việt. Đó là nỗi mặc cảm, tâm lí tự ti (nỗi sợ hãi hiện diện từ trong vô thức) bắt nguồn từ sự nghèo đói dai dẳng trong quá khứ đã tạo nên tâm lí ích kỉ, thù thân ngay trong hoàn cảnh bi đát nhất: ở trong tù. Do đó, “Cổ động tranh thương, tán dương lòng ái quốc, tấm nhiệt thành ấy cũng hay nhưng nếu chưa nghĩ đến cái gốc tội ác của con người trong xã hội này thời cũng còn là khuyết điểm, cũng chẳng qua là “sữa bóng gáy trắng” vậy mà thôi” (Nguyen, 2002, p.134).

Sâu bên trong là những suy ngẫm về một chế độ xã hội tốt đẹp khi mỗi người tự biết cách quân bình giá trị, sống từ bi, đoàn kết, hướng tới sự bền vững. Mặc dù trong thời buổi lúc bấy giờ, những điều ông nói làm người ta nghĩ đến khuynh hướng xã hội cộng sản, nhưng thực ra, ông chỉ muốn hướng đến một xã hội sống dựa vào đạo đức và thiên tính của mỗi con người (tính chất lương thiện thiên nhiên ở mỗi con người, phù hợp với tự nhiên, vũ trụ, sống một cách hài hòa, không vụ lợi, bất công). Ông từng nói rõ, cái ông tìm là một chế độ xã hội “phù hợp với luân lí, mà luân lí phù hợp với nhân tâm, mà nhân tâm lui về với thiên tánh” (Nguyen, 2002, p.127). Lí tưởng này của ông là phổ quát và hoàn toàn bình đẳng, không hề vị chủng. Điều này cũng tương tự khi ông cho thấy niềm tin vào sự thiên lương nơi mỗi con người.

Mặc dù thể chế chính trị có tác động rất nhiều đến đời sống và một xã hội tốt đẹp phải được xây dựng trên nền tảng của sự bình đẳng, tuy nhiên một cá nhân muốn phát triển tốt không thể chỉ trông chờ vào sự thay đổi của xã hội mà còn phải dựa rất nhiều vào tư chất cá nhân, nhân tâm của mỗi cá thể trong xã hội đó. Chế độ nào cũng được xây dựng bởi con người. Cho nên, cải tạo con người, giúp con người nhận thức được mình, quay về thiên tánh được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cốt lõi. Ông thể hiện mong muốn mỗi người trong xã hội sống phải có “thực tâm”, phải luôn có trách nhiệm với hành vi và lương tâm của mình. Một xã hội mà mỗi cá thể đều là một phần tử có thiên lương thì xã hội đó, dù là ở chế độ nào cũng tự nó trở nên tốt đẹp. Nhận thức này được Phan Văn Hùm thể hiện không chỉ trong *Ngôi tù Khám Lớn* mà còn thể hiện và phát triển trong các tác phẩm sau này của ông (*Triết học Phật giáo, Vương Dương Minh – thân thế và học thuyết*).

Có thể thấy, tình thế lịch sử – xã hội đã làm cho những người trẻ như Phan Văn Hùm sớm có nhận thức về chính trị và xã hội, hình thành trong họ những suy tư mang tầm triết lí, tư tưởng, từ đó thúc đẩy các hành động dần thân của họ trong đời sống. Trong suốt cuộc đời ngắn ngủi của mình, ông luôn miệt mài đi tìm chân lí của đời sống với mong muốn khả dĩ làm cho cuộc đời này tốt đẹp hơn. Cái đích mà ông kiếm tìm đôi khi không hẳn là một chế độ xã hội nào, ông chỉ quan tâm đến chân lí duy nhất, đó là “chân tâm” nơi mỗi con người.

Đó là lí do sau này, khi không thể tiếp tục bốn ba hoạt động, khi bị thực dân quân thúc ở Tân Uyên, ông đã dành thời gian dịch và biên soạn học thuyết “tri hành hợp nhất” của Vương Dương Minh, chủ trương quay về “tâm” để cứu giải con người. Dựa vào học thuyết của Vương Dương Minh là sự kiến giải hợp lí nhất ông có thể làm được trong tình thế lúc bấy giờ, khi mà ông nhận thấy một cách sâu sắc sự khủng hoảng trong đời sống xã hội và trong mỗi con người. “Nhân tâm lâm nguy” là lời ông ghi lại trong tựa cuốn sách này đã cho thấy rõ nỗi thiết tha tột cùng của ông đối với nhân sinh.

2.3. Giá trị về nghệ thuật của tác phẩm

Ngồi tù Khám Lớn không chỉ có giá trị về nội dung tư tưởng mà văn phong cũng rất cuốn hút. *Ngồi tù Khám Lớn* mặc dù thuộc thể kí sự nhưng lại được viết bằng một văn phong khá nghệ thuật. Trong tác phẩm, ông sử dụng lối văn điêu luyện, hòa quyện giữa chất kí (chân thực, đời thường) và chất trữ tình; giữa lối hành văn mạch lạc, khúc chiết rất Tây phương nhưng cũng giàu chất vị cổ điển. Đó là một lối văn đầy âm điệu, giàu xúc cảm, câu văn gọt giũa, cú pháp chắc chắn. Chất vị cổ điển và trữ tình không hề hiếm gặp trong tác phẩm, có thể dẫn ra như:

“Băng tuyết bốn mùa, quanh hiu tứ hướng, bóng người vắng ngắt, ác thú ngênh ngang, thế mà có kẻ còn dám tự đưa mình vào cảnh hải hùng ghê gớm ấy thay? Có sá gì một khám tù, đều là con người cả, nhiều ít cũng còn có lương tâm, để cho đến đổi người ta đánh đập mình, là tại mình không hay nói được cho lọt tai người, thời dẫu họ có đánh mình đi nữa, cũng là đáng cái đời bất tài của mình chứ sao?” (Nguyen, 2002, p.51).

Hay:

“Đêm nay quanh quẽ một mình, nằm co mà nghĩ việc đời, không ai làm bạn, cũng là cái thú vị riêng, duy chỉ có một người bị bắt vào tù mới đặc biệt mà được biết” (Nguyen, 2002, p.52).
“Quái gờ thay! Sầu thành một bức, nhốt lại ngót ngàn người, cách tuyệt cõi đời, cảnh tình thống khổ. Năm canh trong ngục, ai là kẻ thương đời, xót xa bụng biết là bao nhiêu! (Nguyen, 2002, p.55).

Điều đặc biệt hơn, nếu so với các cây bút người Nam Bộ khác cùng thời, mặc dù ông sử dụng nhiều phương ngữ Nam Bộ, tạo cảm giác gần gũi với giới bình dân, đại chúng nhưng không hề luộm thuộm hay thô phác nên lôi cuốn người đọc. Đọc tác phẩm, không khó để độc giả bắt gặp các phương ngữ Nam Bộ như: nhìn trông trọc, xí hụt, ngồi chồm hồm, lật đặt chạy, ngó dớn dác, con mắt ngó, tanh bành té bẹ, na kè kè, ăn nhín, một đống bùm sùm, nhóc một tú, lẳng xằng lộn xộn, chết thềm chết lạt, coi hát xiệc, nghe bung tai, ngủ chổng cẳng, giựt mình, hiệp lại, ngồi bơ bơ, hớ hớ cái miệng...

Bên cạnh đó, Phan Văn Hùm còn rất thành công trong lối xếp đặt các tình tiết có tính tương phản, tạo dựng nhiều tình huống/ sự việc/ vấn đề có tính đối lập nhằm đánh động vào tâm lí và nhận thức của người đọc. Ông nêu ra sự nghịch lí để tố cáo chế độ khám tù thực dân: “Chánh phủ xưa nay lập cò bót để mà tra khảo những người gian trá chớ tôi không ngờ cò bót gian trá hơn những người bị tra khảo” (Nguyen, 2002, p.120). Hay việc những người tù vì bản thân và gia đình mình mà khai gian để được thả, nhưng bù lại, những người vô tội

khác lại bị bắt vô khám thay cho họ: “Một đứa vì cha, một đứa vì mẹ mà mấy trăm người vì hai đứa có hiếu mà phải vào tù. Cái luân lí nước mình có lúc làm hại ghê gớm quá!” (Nguyen, 2002, p.112). Ông cũng hay có những đúc kết về những bất công, những sự thể tếu ngoe trong xã hội lúc bấy giờ. Chẳng hạn, về cái ăn: “Cửa để mười người ăn đủ, không ngon miệng cũng được no lòng, mà gom ôm lầy một mình cho bao nhiêu người thèm lạt, nghĩ cũng đáng giận mà đáng buồn” (Nguyen, 2002, p. 90). Nói về sự vô nhân đạo trong chốn lao tù, ông viết: “Trong vườn bách thú thấy có bảng cấm người hành hạ thú vật, mà trong tù thời con người bị ngược đãi một cách thấy mà thương tâm” (Nguyen, 2002, p.94). Hay những đúc kết về sự đảo lộn giá trị trong xã hội lúc bấy giờ: “Những người vô trong tù, ít có người chịu cho mình là nhục. Chém giết người ta, ở ngoài thiên hạ cho là du côn, mà ở trong tù là anh chị, không có gì là nhục, chẳng những không nhục mà lại vinh. Ăn cướp ở ngoài cho là nhục, mà ở trong tù là một sự tự nhiên, không đủ mà ăn xài phải đi cướp” (Nguyen, 2002, p.108). Phải vừa có cái nhìn sâu sắc về nhân sinh, vừa có tài năng về văn chương, Phan Văn Hùm mới có thể sắp đặt các tình huống và viết nên những câu văn thâm thúy đến như thế!

So với các tác phẩm được viết trong tù như *Thi tù từng thoại* của Huỳnh Thúc Kháng, *Ngục trung thư* của Phan Bội Châu, hoặc *Ngục trung nhật kí* của Hồ Chí Minh sau này, *Ngôi tù Khám Lớn* của Phan Văn Hùm có sự khác biệt. Trong suốt tác phẩm, phần ông tự cảm thán về bản thân hoặc tỏ bày chí hướng của mình rất ít. Ông dành hầu như toàn bộ tác phẩm để kể lại những cảnh tượng chính ông mắt thấy, tai nghe. Đặc biệt là ông dành phần lớn dung lượng tác phẩm để ghi chép lại lời nói của nhân vật mà ông nghe thấy, những mẫu đối thoại trực tiếp mà ông chứng kiến hoặc tham gia. Ông cũng giữ nguyên giọng điệu, cách nói năng của nhân vật để vừa đảm bảo tính chân thực, khách quan, vừa làm cho tác phẩm thêm phần sinh động. Những đoạn đối thoại ngắn trong tác phẩm tưởng chừng như rất bình thường nhưng thực ra lại vô cùng đắt giá vì đó là nghệ thuật nhằm thể hiện rõ chân dung, tính cách, tâm tư, số phận của từng lớp người trong chốn lao tù. Nhờ vậy, mặc dù mang thể loại kí nhưng những điều ông ghi lại giống như một lát cắt của đời sống. Nó chứa đựng những câu chuyện, những vấn đề của xã hội buộc người đọc phải suy ngẫm. Cái tài của Phan Văn Hùm là đã biết cách dẫn dắt, sắp đặt đan xen giữa lời nói trực tiếp của nhân vật (ông lúc này trong vai người ghi chép) với phần nhận định, đánh giá, suy ngẫm của riêng ông một cách thật tự nhiên, nhuần nhuyễn. Nhờ đó, *Ngôi tù Khám Lớn* vừa phù hợp với báo chí (đăng nhiều kì trên báo Thần Chung như một mục ghi chép các sự việc có thật trong đời sống), vừa đậm chất văn chương.

Có thể nói *Ngôi tù Khám Lớn* đã vượt khỏi cái khung của một tác phẩm kí sự thông thường bởi không chỉ là sự ghi chép mà còn chứa đầy tính nghệ thuật. Tác giả đã biết cách phối trộn làm cho tác phẩm vừa phù hợp với độc giả bình dân vừa làm thỏa ý những độc giả thuộc trường phái “vị nghệ thuật”. Không phải ngẫu nhiên mà tác phẩm sau khi được công bố, mặc dù bị tịch thu nhưng đã tạo nên một tiếng vang lớn về tên tuổi của Phan Văn Hùm, không chỉ trong giới chính trị mà còn trong giới văn chương. Hồ Hữu Tường, một trong

những người bạn hoạt động cùng thời của ông đã cho biết: “Phải nhìn nhận rằng Phan Văn Hùm có một văn tài điêu luyện, một văn phong đặc biệt làm cho cả nước đọc qua phải thán phục ngay. Những nhà văn “nghệ thuật vị nghệ thuật” ước mong sao cho Phan Văn Hùm giữ mãi tác phong ấy mà làm vị nguyên soái của văn đàn” (Ho, 1972, p.71). Thực ra, con người khi sống ai cũng luôn hướng về cái đẹp. Vậy thì nghệ thuật phụng sự cho cái đẹp cũng là điều chính đáng. Tuy nhiên, nếu chỉ hướng về một phía vị nghệ thuật thì nghệ thuật sẽ không thể tồn tại được với cuộc đời này. Vì dù muốn dù không, dù con người có duy mỹ đến đâu cũng không thể trốn tránh những va đập của cuộc đời thực. Mỗi người đều phải sống trong một không gian, một môi trường, đối diện, tương tác với nhiều mối quan hệ ràng buộc và nhiều khía cạnh khác nhau trong đời sống nhân sinh. Vậy thì nghệ thuật lại cũng phải hướng mình về phía nhân sinh, vẫn phải có những phương diện cho thấy sự kết nối với cuộc đời. Nghệ thuật cũng như một con người, phải trầm mình trong đời sống thì mới tồn tại được. Đó là lí do Phan Văn Hùm - “một tay cự phách trong làng thơ cũ” (chữ của Hồ Hữu Tường) đã chọn “nghệ thuật vị sanh mạng” (sic) (Nguyen, 2002, p.46). Trong suốt cuộc đời, ông luôn đặt mình trong sự gắn kết chặt chẽ với cộng đồng, với xã hội. Đó là một con người sống có lí tưởng cá nhân nhưng đồng thời cũng có ý thức xã hội sâu sắc. Với cái nhìn sâu sắc, bao quát đời sống thực tại nên ông luôn nhận chân được nhiều giá trị giữa cuộc đời. Vì là sự kết tinh và gửi gắm nhiều giá trị như vậy, nên *Ngôi tù Khám Lớn* xứng đáng được xem là “đứa con tinh thần” trọn vẹn nhất trong sự nghiệp văn học của Phan Văn Hùm.

3. Kết luận

Ngôi tù Khám Lớn là tác phẩm gọi ra nhiều suy ngẫm về nhân sinh. Ở đó, lẽ phải không thuộc về thiết chế, cũng không phải dành cho một lớp người, lẽ phải được thiết lập từ những người có lương tâm, không phải là một đại diện chính danh nào cả. Mặc dù trên bình diện chung, Phan Văn Hùm tập trung nhiều ở vấn đề chính trị; tuy nhiên, nếu nhìn rộng ra và nhìn sâu vào từng phần thì *Ngôi tù Khám Lớn* chứa đựng nhiều vấn đề trong muôn mặt đời sống nhân sinh. Cho nên, mặc dù đây là tác phẩm (có thể xem là) đầu tay của Phan Văn Hùm nhưng đã phát lộ sự nhận thức cũng như ý hướng tư tưởng của ông. Đây cũng là tiền đề cho những bước đi tiếp theo của Phan Văn Hùm. Có thể xem *Ngôi tù Khám Lớn* là di sản tinh thần khởi đầu cho toàn bộ sự nghiệp văn hóa, xã hội và học thuật của ông.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Thủ Dầu Một trong đề tài mã số DT.22.1-030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Huynh, N. D. (2020). *Lai Thieu – Thuan An dat va nguoi [Lai Thieu – Thuan An land and people]* (pp.161-174). People's Committee of Thuan An City, Binh Duong Province.
- Ho, H. T. (1972). *41 nam lam bao [41 years of journalism]*. Saigon: Tri Dang Publisher.
- Nguyen, Q. T. (2003). *Tuyen tap Phan Van Hum [Selection of works's Phan Van Hum]*. Hanoi: Cultural information Publishing House.
- Nguyen, T. T. X. (Ed.) (2018). *Nghien cuu, li luan, phe binh van hoc o Nam Bo thoi ki 1865-1954 [Research, theory and criticism of literature in the South in the period 1865-1954]* (pp.444-462). Hanoi: Vietnam Education Publishing House.
- Nguyen, H. C., & Nguyen, T. (2004). “Phan Van Hum” trong *Tu dien van hoc [Phan Van Hum in Literary dictionary]* (pp.1401-1402). Hanoi: World Publishing House.
- Phan, V. H. (1944). *Vuong Duong Minh – than the va hoc thuyet [Origin and doctrine]*. Hanoi: Tan Viet Publishing House.
- Phan, V. H. (2018). *Ngoi tu Kham Lon [Jailed in Khám Lớn]*. Hanoi: Writers Association Publishing House.

**SOME MORE OBSERVATIONS ON THE VALUE
OF “JAILED IN KHÁM LỚN” BY PHAN VAN HUM**

Tran Thi My Hien

Thu Dau Mot University, Vietnam

Corresponding author: Tran Thi My Hien – Email: hientm@tdmu.edu.vn

Received: March 20, 2023; Revised: April 04, 2023; Accepted: June 07, 2023

ABSTRACT

Phan Van Hum is one of the prominent names of Southern literature in the first half of the twentieth century. With the work Jailed in Khám Lớn, he created a great resonance in literature and contemporary political and social life. By applying a cultural-historical approach, an interdisciplinary approach, along with analysis and comparison techniques, the paper demonstrates that Jailed in Khám Lớn not only directly shows the harshness and injustice of the French colonial prison regime in Vietnam but also the crisis in the lives of Vietnamese people in the first half of the twentieth century from economic, social, moral and ethical aspects. Above all are the expectations of Phan Van Hum about a good society based on the concept of human philosophy.

Keywords: *chronicle; Jailed in Khám Lớn; Phan Van Hum; Southern literature*